TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2022
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi

2. Ông Trương Hữu Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc "ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Đào Minh Ph, sinh năm 1974; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/12/2021, bản tự khai ngày 22/12/2021, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 03/6/2022, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Ph chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh B ngày 28/12/1999 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/1999.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, đời sống vợ chồng quá nặng nề và mệt mỏi, không có hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên nguyên đơn quyết định làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Đào Thị B, sinh ngày 04/10/2001; Đào Thị Thúy Ph1, sinh ngày 12/9/2005 và Đào Minh Tr, sinh ngày 01/7/2013. Con chung tên B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Hòa yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Ph1 và tên Tr, trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, bà H yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do thấy ông Ph không có thu nhập ổn định, thường xuyên đánh bạc gây nợ nần nên ngày 28/6/2022, bà H có đơn xin rút yêu cầu về cấp dưỡng, không tiếp tục yêu cầu ông Phúc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

Đối với bị đơn:

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh B, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Do nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh B ngày 28/12/1999 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/1999. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 5, 6 và 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập các bên đương sự để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Điều này cho thấy bị đơn không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, nguyên đơn cũng kiên quyết xin ly hôn. Từ lời khai của nguyên đơn, sự không thiện chí của bị đơn cho thấy lời khai của nguyên đơn về lý do, nguyên nhân xin ly hôn là có căn cứ. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung tên Đào Thị B, sinh ngày 04/10/2001; Đào Thị Thúy Ph1, sinh ngày 12/9/2005 và Đào Minh Tr, sinh ngày 01/7/2013. Con chung tên B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Ph1 và tên Tr.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai, các con chung tên Đào Thị Thúy Ph1, sinh ngày 12/9/2005 và Đào Minh Tr, sinh ngày 01/7/2013 có nguyện vọng được sống với mẹ là nguyên đơn, mong muốn được nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn không lên Tòa án làm việc nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về con chung, nguyên đơn có yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng con chung. Vì vậy cần tiếp tục giao hai con chung tên Đào Thị Thúy Ph1, sinh ngày 12/9/2005 và Đào Minh Tr, sinh ngày 01/7/2013 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của con chung. Yêu cầu của nguyên đơn về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 69, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong đơn khởi kiện ngày 22/12/2021, bà H yêu cầu ông Ph cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (3.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, do thấy ông Ph không có thu nhập ổn định, thường xuyên đánh bạc gây nợ nần nên trong nội dung đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/6/2022 bà H xin rút yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 5, 6 và 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "ly hôn; tranh chấp nuôi con" của bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Đào Minh Ph.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Đào Thị Thúy Ph1, sinh ngày 12/9/2005 và Đào Minh Tr, sinh ngày 01/7/2013 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc không yêu cầu ông Đào Minh Ph cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007048 ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- UBND xã Đ, huyện D, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng